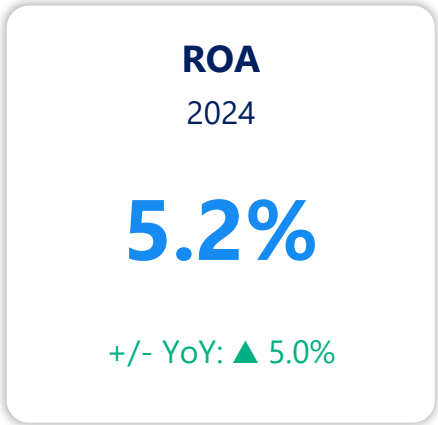
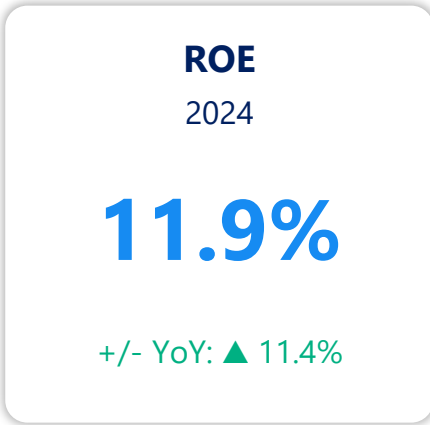
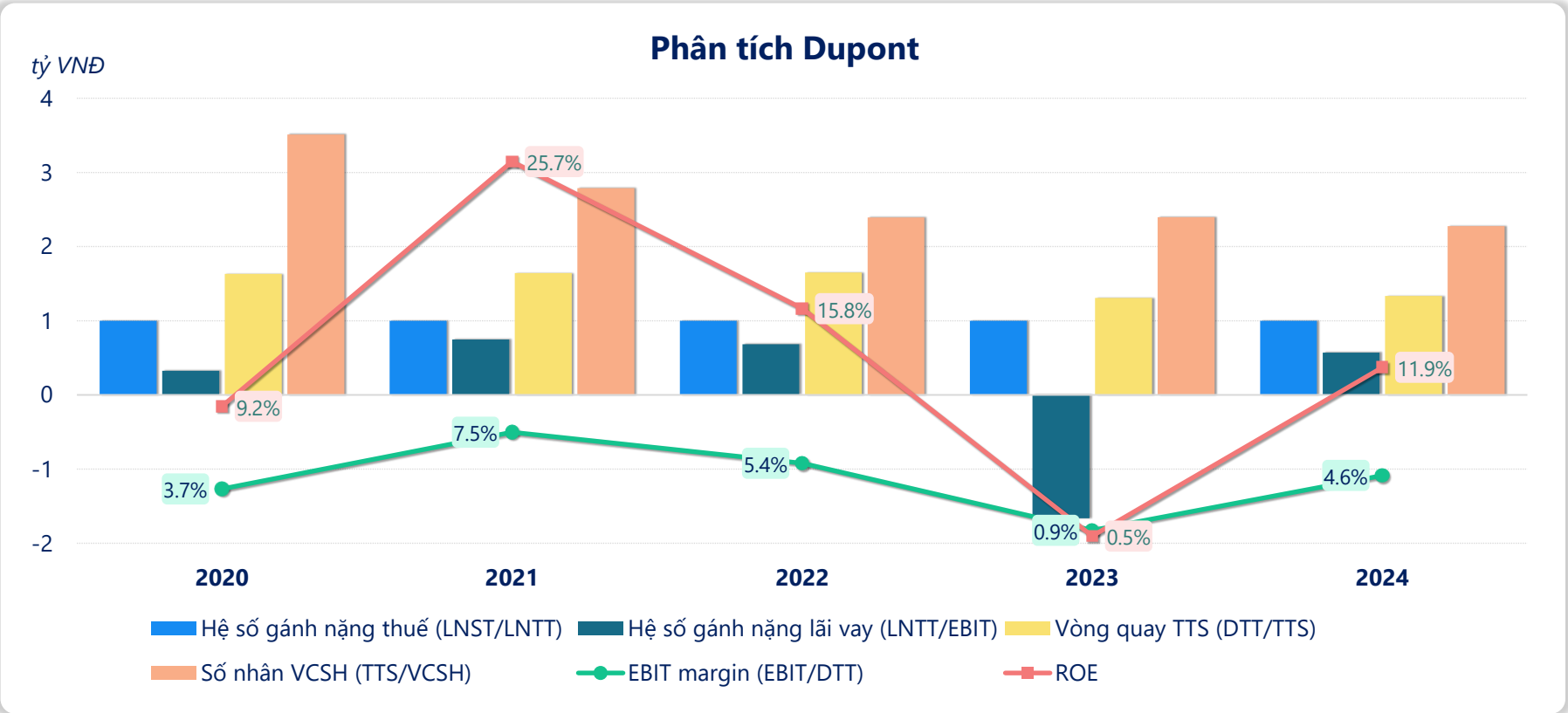
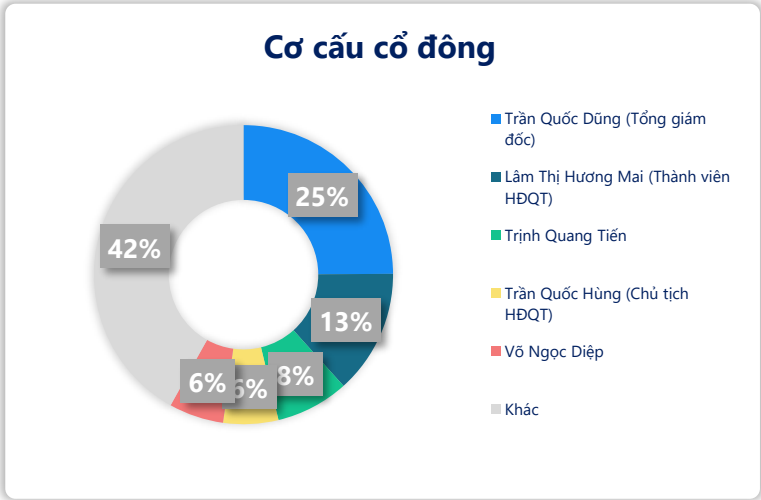


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

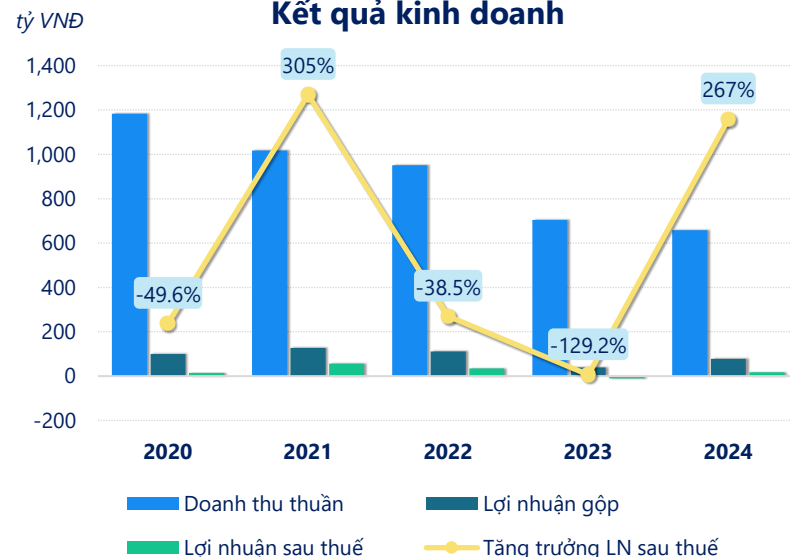
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		13,500
Sàn giao dịch		HNX
Khoảng giá 52 tuần		8,140 - 13,657
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		163
Số lượng CPLH (CP)		12,090,969
KLGD BQ 20 phiên (CP)		81,135
Sở hữu nước ngoài		0.2%
Beta		(0.18)
EPS		2,123
P/E		6.4

	YTD	1T	3T	6T
KHS		14.8%	29.8%	22.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%



CTCP Kiên Hùng (HNX: KHS)

Kết quả kinh doanh

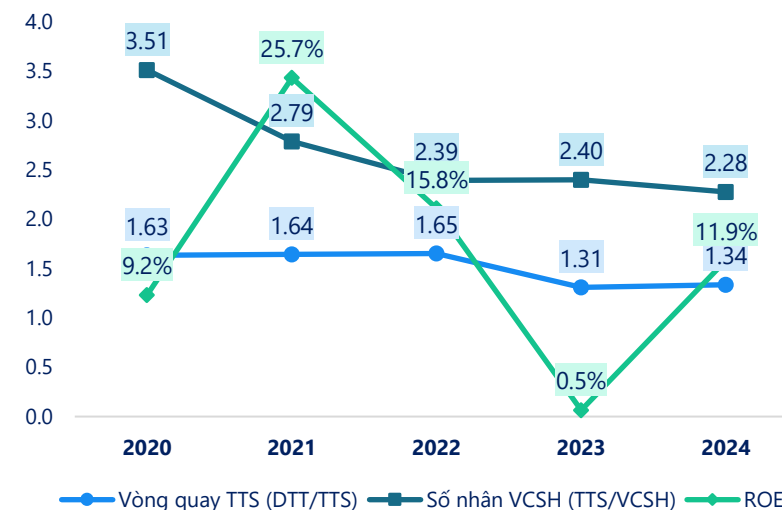


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **4.57%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Việc duy trì hệ số gánh nặng thuế **không đổi** so với năm trước bằng **1.00**, có thể là dấu hiệu của sự ổn định trong quản lý thuế, duy trì sự tuân thủ và hiệu quả các quy định thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.57**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.

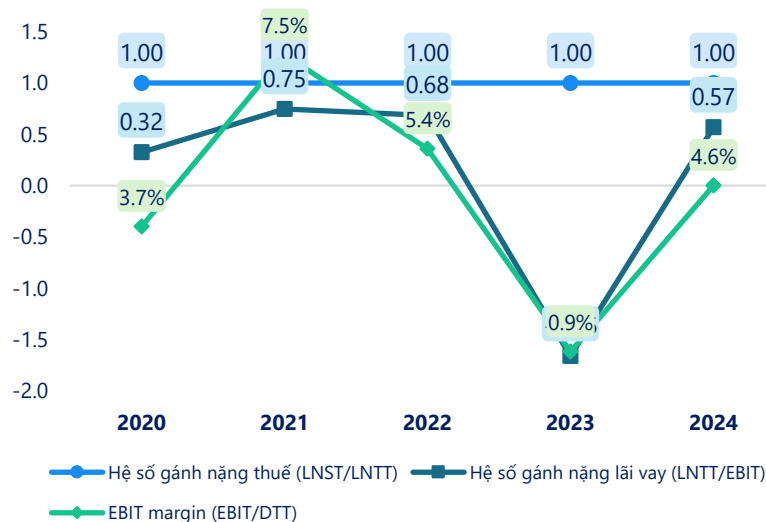
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **KHS** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **657.5** tỷ đồng **giảm 6.64%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 267%** đạt **17.08** tỷ đồng.

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **11.9%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

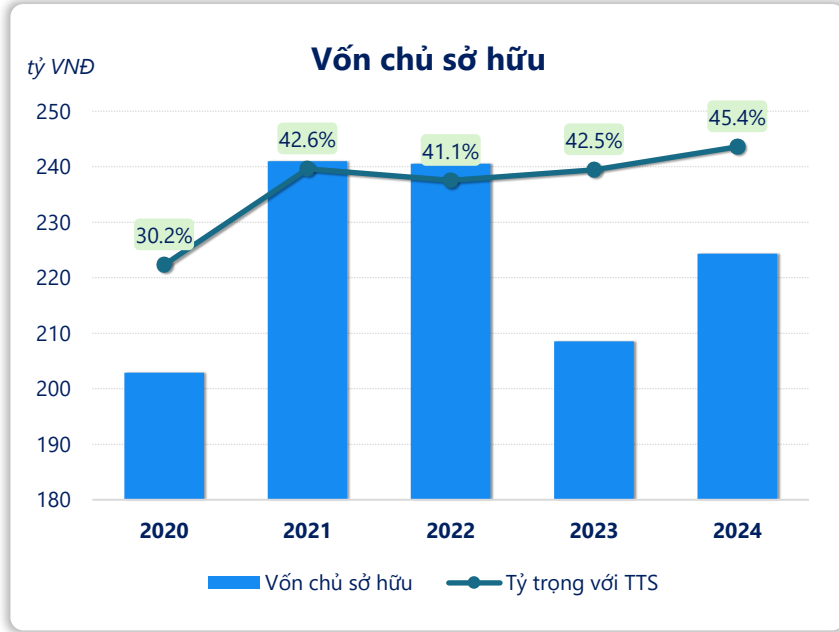
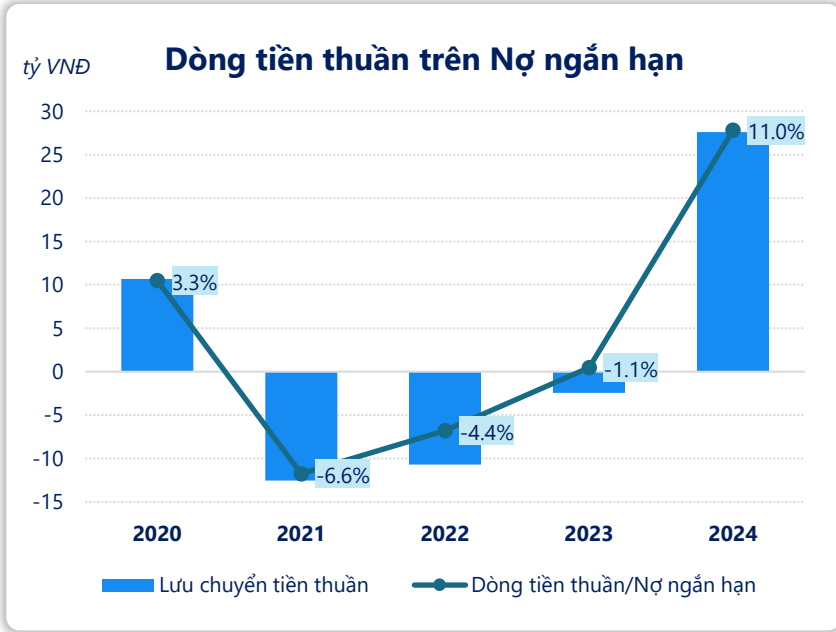
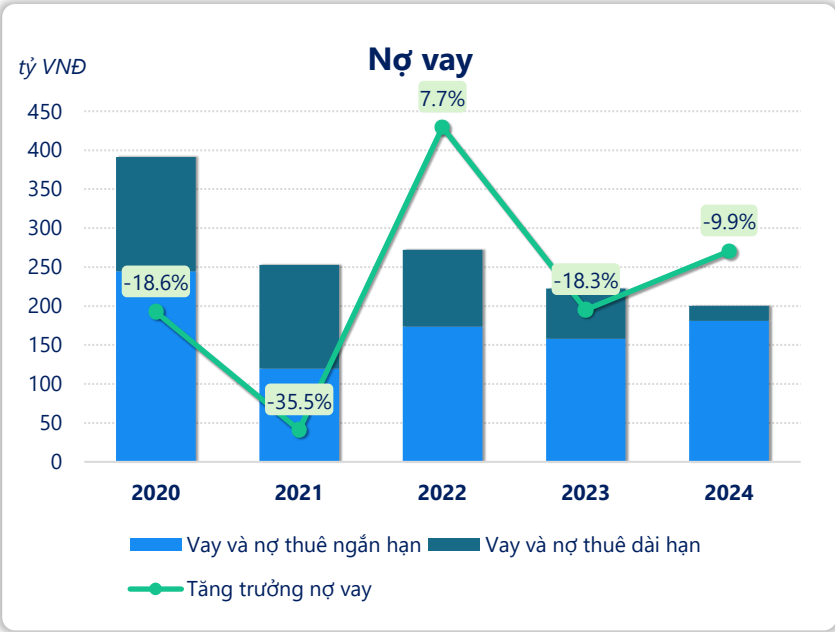
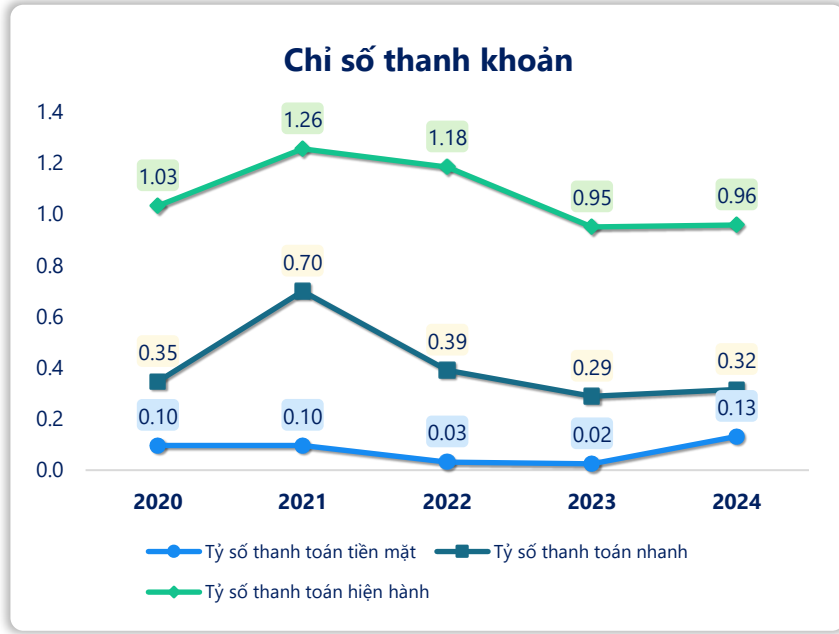
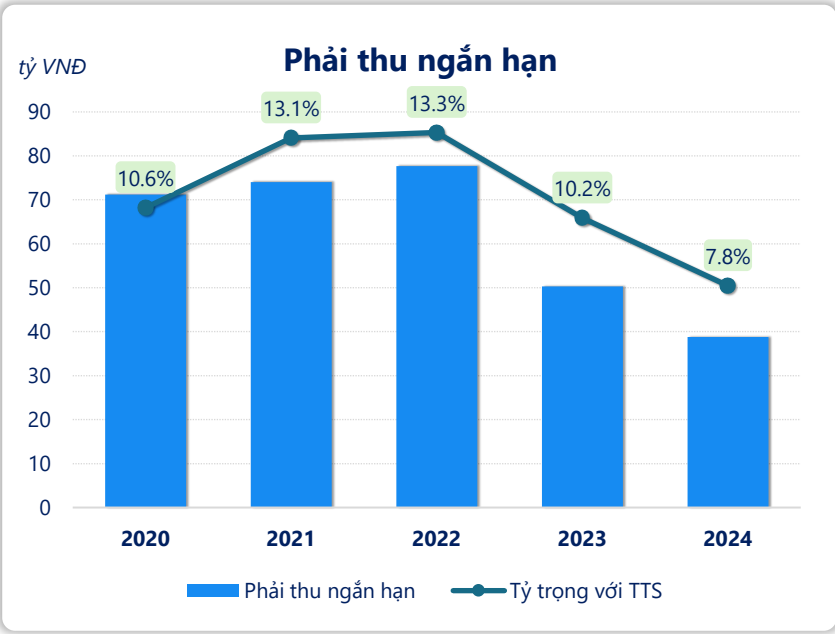


Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **1.34**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **2.28** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Kiên Hùng (HNX: KHS)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	494	491	0.6%
Tài sản ngắn hạn	240	207	15.7%
Tiền và tương đương tiền	33.0	5.41	510%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	38.8	50.3	-22.9%
Hàng tồn kho	161	144	11.6%
Tài sản ngắn hạn khác	7.09	7.24	-2.0%
Tài sản dài hạn	254	284	-10.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	230	258	-10.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.07	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	21.9	23.9	-8.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	270	283	-4.6%
Nợ ngắn hạn	250	218	14.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	181	158	14.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.2	35.6	4.6%
Nợ dài hạn	19.3	64.6	-70.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.3	64.6	-70.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	224	209	7.6%
Vốn chủ sở hữu	224	209	7.6%
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	1,184	1,017	951	704	658
Giá vốn hàng bán	1,085	890	839	665	580
Lợi nhuận gộp	98.9	127	112	39.1	78.0
Doanh thu HĐTC	3.58	5.19	6.42	4.63	2.33
Chi phí TC	30.9	20.9	19.6	20.8	17.4
Chi phí lãi vay	29.3	19.3	16.3	16.4	13.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	29.0	31.3	38.3	14.2	12.2
Chi phí QLDN	27.2	22.0	22.0	17.9	15.9
LN thuần từ HĐKD	15.3	58.3	38.3	-9.24	34.8
Lợi nhuận khác	-1.28	-1.48	-3.33	-0.97	-17.7
LN trước thuế	14.0	56.9	35.0	-10.2	17.1
Lợi nhuận sau thuế	14.0	56.9	35.0	-10.2	17.1
LNST của CĐ cty mẹ	19.1	57.1	38.1	1.09	25.7

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	119	193	-32.3	79.4	51.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.32	-50.7	29.7	-11.7	0.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-108	-154	-8.01	-70.1	-24.8
Tiền đầu kỳ	20.4	31.1	18.6	7.87	5.41
Lưu chuyển tiền thuần	10.7	-12.5	-10.7	-2.46	27.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.01	-0.01	0.00	0
Tiền cuối kỳ	31.1	18.6	7.87	5.41	33.0